

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC SƠN LA**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 40

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Sơn La theo Quyết định số 4546/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000059 ngày 18 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 5500154649, thay đổi Cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, trong đó thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 01 năm 2016.

**Trụ sở chính**

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La  
Điện thoại : 0223.854 934  
Fax : 0223.854 539  
Mã số thuế : 5 5 0 0 1 5 4 6 4 9

*Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 4 năm 2015 là:*

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình./.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Văn Đỉnh	Chủ tịch Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015, Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Hoàng Sỹ Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Kim Ngọc Nhiệm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Trần Đình Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quyết Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Bà Giang Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Phan Thanh Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Đỗ Quang Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Đính**

Ngày 22 tháng 01 năm 2016

15  
NHÀ  
NG  
IEM  
N VI  
&  
I HÀ  
A -



Số: 12/2016/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 01 năm 2016, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không được cung cấp tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu (xem thuyết minh số V.10b) với số tiền lần lượt là 7.844.942.884 VND và 7.958.887.630 VND. Do vậy chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ và hợp lý của các khoản vay trên cũng như lãi vay phải trả tương ứng.
- Số dư của Tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.6) với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.375.294.745 VND là chênh lệch của tài sản từ giai đoạn cổ phần hóa. Chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định tính đầy đủ và hợp lý của các tài sản trên.
- Số liệu đang phản ánh trên báo cáo tài chính là số liệu của Văn phòng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chưa bao gồm số liệu của các đơn vị phụ thuộc.

10/2/16  
NH  
CY  
H  
TUV  
C  
NOI  
TP



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.154.748.745</b>	<b>20.414.679.855</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.146.496.355</b>	<b>1.017.998.974</b>
1. Tiền	111		11.146.496.355	1.017.998.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.589.740.554</b>	<b>7.697.510.158</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.671.813.357	5.711.564.984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		347.679.190	916.958.591
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.877.148.597	1.750.849.487
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(306.900.590)	(681.862.904)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.687.424.738</b>	<b>8.480.501.751</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	10.010.130.441	8.680.501.751
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(322.705.703)	(200.000.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>731.087.098</b>	<b>3.218.668.972</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.139.867.834
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	731.087.098	78.801.138
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.115.425.952</b>	<b>105.928.392.525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.350.000.000</b>	<b>975.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		1.350.000.000	975.000.000
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.977.268.952</b>	<b>104.852.832.525</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	90.977.268.952	104.852.832.525
<i>Nguyên giá</i>	222		205.477.476.740	208.791.276.835
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114.500.207.788)	(103.938.444.310)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.7	8.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>788.157.000</b>	<b>100.560.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	788.157.000	100.560.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>131.270.174.697</b>	<b>126.343.072.380</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.922.164.312</b>	<b>68.839.250.143</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.745.510.864</b>	<b>12.538.510.563</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		157.418.733	394.262.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		439.817.562	256.602.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	835.971.657	541.046.897
4. Phải trả người lao động	314		4.068.920.900	4.059.858.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		450.000.000	311.730.084
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		33.589.450	381.428.975
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	6.307.301.357	6.138.140.170
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.11	452.491.205	455.441.205
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.176.653.448</b>	<b>56.300.739.580</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	51.176.653.448	56.300.739.580
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.348.010.385</b>	<b>57.503.822.237</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>67.348.010.385</b>	<b>57.503.822.237</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.596.300.000	58.096.293.395
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.596.300.000	58.096.293.395
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.486.040.145)	(3.845.465.533)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.555.233.731	1.555.233.731
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.518.387.821	(966.374.939)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(966.374.939)	(966.374.939)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.484.762.760	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		164.128.978	2.664.135.583
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>131.270.174.697</b>	<b>126.343.072.380</b>

Người lập biểu



Trần Xuân Long

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Nhiệm

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc




Bùi Văn Đính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

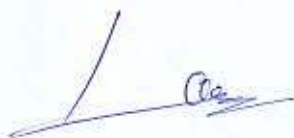
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107.668.449.366	88.337.311.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.668.449.366	88.337.311.582
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.157.635.589	72.280.285.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.510.813.777	16.057.025.806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	83.822.377	36.976.064
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.784.798.056	5.494.502.215
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.183.304.694	1.249.560.916
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.140.456.631	10.261.263.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.669.381.467	338.236.036
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.527.756.983	811.396.386
12. Chi phí khác	32	VI.7	35.528.008	20.211.594
13. Lợi nhuận khác	40		1.492.228.975	791.184.792
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.161.610.442	1.129.420.828
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		676.847.682	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.484.762.760</u>	<u>1.129.420.828</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.173</u>	<u>186</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.173</u>	<u>186</u>

Người lập biểu



Trần Xuân Long

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Nhiệm

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		117.280.728.888	95.267.395.850
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54.787.357.147)	(60.068.244.086)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.344.065.400)	(23.927.951.600)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(1.183.304.694)	(1.249.560.916)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.9	(363.382.665)	(283.208.278)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.428.001.528	1.517.412.260
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.455.840.351)	(8.644.719.410)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22.574.780.159</b>	<b>2.611.123.820</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.252.442.608)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.700.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.308.142.608)</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.138.140.170)	(6.108.140.170)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(488.461.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.138.140.170)</b>	<b>(6.596.601.518)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>10.128.497.381</b>	<b>(3.985.477.698)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.017.998.974</b>	<b>5.003.476.672</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.146.496.355</b>	<b>1.017.998.974</b>

Người lập biểu

Trần Xuân Long

Kế toán trưởng

Kim Ngọc Nhiệm

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt;  
Xây dựng các công trình dân dụng;  
Sản xuất kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành nước.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31 tháng 07 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La đã thông qua việc giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La từ mức 87,79% vốn điều lệ xuống còn 51% vốn điều lệ. Theo đó, cổ đông Nhà nước đã thực hiện chuyển nhượng xong 222.927 Cổ phần cho các cổ đông khác, chỉ còn nắm giữ 309.041 Cổ phần tương đương với 51% vốn điều lệ.

Ngày 14 tháng 12 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III của Công ty đã thông qua phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trong đó, tổng số cổ phần là 6.059.630 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần thay cho tổng số cổ phần là 605.963 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần trước đây.

#### 6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La có trụ sở chính tại số 55, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La với tỷ lệ góp vốn là 26%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 28,57%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ góp vốn là 26%.

#### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh cấp nước Yên Châu	Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mường La	Số 72, Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sông Mã	Tổ 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	3-2, Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	Quốc lộ 279, bản Pom Luồng, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp Xây lắp cấp nước	Số 46, đường Cách mạng tháng Tám, tổ 9, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 1	Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2	Số 116A, đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Phù Yên	Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, Sốp Cộp – Nậm Lạnh, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn	Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	Số 14, đường Lò Văn Hặc, tiểu khu 15, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 273 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 273 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm tại Công ty chỉ có nghiệp vụ thanh toán tiền gốc và lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Sơn La. Theo hợp đồng vay thì khoản này được qui đổi ra Đồng Việt Nam khi thanh toán theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Do đó, số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm 2009, 2010 và 2011 được thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và từ năm 2012 thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Theo thông tư 201/2009/TT-BTC thì chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

100  
ÁNH  
TỶ  
HỮU  
Ả TỬ  
C  
401  
/

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Theo thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 thì chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các khoản chi phí sau:

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

##### *Chi phí xin cấp phép khai thác nước*

Là khoản chi phí xin cấp phép khai thác nước mặt, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước. Chi phí này được phân bổ trong thời gian được cấp phép là 10 năm kể từ khi được cấp phép.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 32
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 26
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	20

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

#### **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2  
1  
A  
G  
O  
SCH  
MT  
4  
TA  
3  
E

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, thành phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, thành phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **13. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

HÀ  
H N  
Đ N  
NHIỆ  
DÁN  
1 &  
H  
A -

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Toàn bộ chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 18. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.026.900	57.486.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.130.469.455	960.512.474
<b>Cộng</b>	<b>11.146.496.355</b>	<b>1.017.998.974</b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>6.671.813.357</i>	<i>5.711.564.984</i>
Phải thu khách hàng sử dụng nước	6.164.915.957	4.778.911.671
Phải thu các khách hàng khác	506.897.400	932.653.313
<b>Cộng</b>	<b>6.671.813.357</b>	<b>5.711.564.984</b>

##### 3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.877.148.597</i>		<i>1.750.849.487</i>	
Tạm ứng	1.782.113.110		1.630.470.000	
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	57.140.000		5.000.000	
Các khoản phải thu khác	37.895.487		115.379.487	
<b>Cộng</b>	<b>1.877.148.597</b>		<b>1.750.849.487</b>	

##### 4. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>306.900.590</i>			<i>681.862.904</i>	
Ban giải phóng mặt bằng đoạn Sơn La-Tuần Giáo						
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>	<i>&gt;3 năm</i>	<i>161.156.400</i>		<i>&gt;3 năm</i>	<i>161.156.400</i>	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La						
<i>Phải thu tiền ứng trước</i>	<i>&gt;3 năm</i>	<i>145.744.190</i>		<i>&gt;3 năm</i>	<i>145.744.190</i>	
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>				<i>&gt;3 năm</i>	<i>84.208.736</i>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La				
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>			>3 năm	111.668.900
Trường Chính trị tỉnh Sơn La				
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>			>3 năm	25.031.277
Các đối tượng khác				
<i>Phải thu tiền ứng trước</i>			>3 năm	154.053.401
<b>Cộng</b>		<b>306.900.590</b>		<b>681.862.904</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	681.862.904		681.862.904
Giảm do xử lý nợ	(374.962.314)		(374.962.314)
<b>Số cuối năm</b>	<b>306.900.590</b>		<b>306.900.590</b>

#### 5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.993.835.960	(322.705.703)	5.231.175.903	(200.000.000)
Công cụ dụng cụ	780.691.742			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	235.602.739		3.449.325.848	
<b>Cộng</b>	<b>10.010.130.441</b>	<b>(322.705.703)</b>	<b>8.680.501.751</b>	<b>(200.000.000)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	200.000.000	200.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	122.705.703	
<b>Số cuối năm</b>	<b>322.705.703</b>	<b>200.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	30.113.523.328	123.901.705.231	52.360.622.151	503.674.285	1.911.751.840	208.791.276.835
Tăng do mua sắm mới		2.328.541.000		34.781.818		2.363.322.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.047.717.100		1.841.402.690			3.889.119.790
Tài sản giảm do đem góp vốn	(1.853.346.771)	(2.802.394.845)	(4.910.501.087)			(9.566.242.703)
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.307.893.657</b>	<b>123.427.851.386</b>	<b>49.291.523.754</b>	<b>538.456.103</b>	<b>1.911.751.840</b>	<b>205.477.476.740</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.737.857.343	4.268.240.843	2.207.162.147	469.744.285		8.683.004.618
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	16.300.647.916	66.579.355.543	20.165.389.349	452.182.003	440.869.499	103.938.444.310
Tăng do khấu hao trong năm	1.744.199.208	8.232.333.305	3.056.003.640	32.494.250	95.587.596	13.160.617.999
Giảm do đem góp vốn	(525.653.405)	(1.111.561.329)	(961.639.787)			(2.598.854.521)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.519.193.719</b>	<b>73.700.127.519</b>	<b>22.259.753.202</b>	<b>484.676.253</b>	<b>536.457.095</b>	<b>114.500.207.788</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	13.812.875.412	57.322.349.688	32.195.232.802	51.492.282	1.470.882.341	104.852.832.525
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.788.699.938</b>	<b>49.727.723.867</b>	<b>27.031.770.552</b>	<b>53.779.850</b>	<b>1.375.294.745</b>	<b>90.977.268.952</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.113.561.000 VND và 509.528.490 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Sơn La.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 7. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La. Theo Hợp đồng Liên doanh số 01/CNSL-VBIC/HĐLD ngày 08 tháng 05 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC), hai bên góp vốn thành lập Công ty Cổ phần VBIC Sơn La với vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam góp 65.000.000.000 VND, tương đương 65%, Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La góp 26.000.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 8.000.000.000 VND, tương đương 28,57% vốn điều lệ thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La là 18.000.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần VBIC Sơn La đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500522701 ngày 23 tháng 7 năm 2015, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cấp nước sinh hoạt. Công ty đã chính thức đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 9 năm 2015.

#### Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch với Công ty Cổ phần VBIC Sơn La phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Mua nước sinh hoạt từ VBIC Sơn La	178.507.600
Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành nhà máy cho VBIC Sơn La	81.492.600

### 8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất		34.560.000
Phí tư vấn chống thất thoát		66.000.000
Phí tư vấn Cấp giấy phép khai thác nước	788.157.000	
<b>Cộng</b>	<b>788.157.000</b>	<b>100.560.000</b>

### 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23.960.453		1.257.321.088	1.977.188.906		695.907.365
Thuế thu nhập doanh nghiệp		46.774.605	676.847.682	363.382.665	266.690.412	
Thuế thu nhập cá nhân			72.189.000	75.342.200		3.153.200
Thuế tài nguyên	105.901.046		1.403.480.449	1.392.122.106	117.259.389	
Tiền thuê đất		32.026.533				32.026.533
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	411.185.398		4.627.278.261	4.586.441.803	452.021.856	
<b>Cộng</b>	<b>541.046.897</b>	<b>78.801.138</b>	<b>8.037.116.480</b>	<b>8.394.477.680</b>	<b>835.971.657</b>	<b>731.087.098</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động	Thuế suất
Hoạt động sản xuất kinh doanh Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt	5%
Hoạt động khác	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm đối với các Doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, hệ thống cấp thoát nước.

Đồng thời, Công ty được miễn thuế trong vòng 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với Doanh nghiệp cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước thuộc các lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, hệ thống cấp thoát nước.

Năm 2015 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.161.610.442	1.129.420.828
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	35.528.008	(1.741.149.125)
- Các khoản điều chỉnh tăng	35.528.008	4.294.546.118
Các khoản điều chỉnh giảm		(6.035.695.243)
Thu nhập chịu thuế	8.197.138.450	(611.728.297)
Lỗi các năm trước được chuyển	(611.728.297)	
Thu nhập tính thuế	7.585.410.153	
<i>Trong đó: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>	<i>5.834.956.185</i>	
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>1.750.453.968</i>	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>968.595.492</b>	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chính được giảm (50%)</b>	<b>(291.747.810)</b>	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>676.847.682</b>	

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch với mức 1% cho hoạt động khai thác nước bề mặt và 3% cho hoạt động khai thác nước ngầm.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 10a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La (xem thuyết minh số V.10b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.138.140.170	6.053.021.444
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.307.301.357	6.138.140.170
Số tiền vay đã trả	(6.196.992.919)	(6.108.140.170)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán	58.852.749	55.118.726
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.307.301.357</u></b>	<b><u>6.138.140.170</u></b>

#### 10b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>51.176.653.448</b>	<b>56.300.739.580</b>
Vay dài hạn ngân hàng	35.372.822.934	40.496.909.066
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Sơn La <sup>(i)</sup>	34.472.822.934	39.116.909.066
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Sơn La <sup>(ii)</sup>	900.000.000	1.380.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	15.803.830.514	15.803.830.514
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu	7.844.942.884	7.844.942.884
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu	7.958.887.630	7.958.887.630
<b>Cộng</b>	<b><u>51.176.653.448</u></b>	<b><u>56.300.739.580</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Thành phố Sơn La với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 24 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 2 lần/năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2006.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Sơn La để Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên bản xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La với lãi suất linh hoạt được bên cho vay điều chỉnh theo định kỳ tối thiểu 3 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm cho vay là 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng lô đất tại tổ 5 phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La và nhà xây trên diện tích đất trên.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay hiện tại.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.307.301.357	6.138.140.170
Trên 1 năm đến 5 năm	29.627.354.634	29.344.031.277
Trên 5 năm	5.745.468.300	11.152.877.789
<b>Cộng</b>	<b>41.680.124.291</b>	<b>46.635.049.236</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	40.496.909.066	1.183.215.225	(6.307.301.357)	35.372.822.934
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Sơn La</i>	<i>39.116.909.066</i>	<i>1.183.215.225</i>	<i>(5.827.301.357)</i>	<i>34.472.822.934</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Sơn La</i>	<i>1.380.000.000</i>		<i>(480.000.000)</i>	<i>900.000.000</i>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	15.803.830.514			15.803.830.514
<i>Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu</i>	<i>7.844.942.884</i>			<i>7.844.942.884</i>
<i>Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu</i>	<i>7.958.887.630</i>			<i>7.958.887.630</i>
<b>Cộng</b>	<b>56.300.739.580</b>	<b>1.183.215.225</b>	<b>(6.307.301.357)</b>	<b>51.176.653.448</b>

### 10c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do nhận tài trợ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	435.752.142	2.300.000	(37.000.000)	401.052.142
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	19.689.063	50.000.000	(18.250.000)	51.439.063
<b>Cộng</b>	<b>455.441.205</b>	<b>52.300.000</b>	<b>(55.250.000)</b>	<b>452.491.205</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### 12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.096.293.395	(7.594.338.331)	930.478.647	354.134.833	(1.061.070.167)	2.664.135.583	53.389.633.960
Lợi nhuận trong năm trước					1.129.420.828		1.129.420.828
Trích lập các quỹ trong năm trước			172.593.615	98.026.636	(546.264.252)		(275.644.001)
Chia cổ tức năm trước					(488.461.348)		(488.461.348)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh trong năm		3.748.872.798					3.748.872.798
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>58.096.293.395</b>	<b>(3.845.465.533)</b>	<b>1.103.072.262</b>	<b>452.161.469</b>	<b>(966.374.939)</b>	<b>2.664.135.583</b>	<b>57.503.822.237</b>
Số dư đầu năm nay	58.096.293.395	(3.845.465.533)	1.555.233.731		(966.374.939)	2.664.135.583	57.503.822.237
Chuyển vốn hỗ trợ từ ngân sách						(2.500.000.000)	
Dự án Chiềng Ngần sang Vốn Chủ sở hữu	2.500.000.000						
Lợi nhuận trong năm nay					7.484.762.760		7.484.762.760
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh trong năm		2.359.425.388					2.359.425.388
Tăng, giảm khác	6.605					(6.605)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>60.596.300.000</b>	<b>(1.486.040.145)</b>	<b>1.555.233.731</b>		<b>6.518.387.821</b>	<b>164.128.978</b>	<b>67.348.010.385</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### 12b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La)	30.904.100.000	50.696.793.395
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam	15.000.000.000	
Cổ đông khác	14.692.200.000	7.399.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.596.300.000</u></b>	<b><u>58.096.293.395</u></b>

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thêm 2,5 tỷ đồng từ nguồn vốn nhà nước cấp cho công trình nước sinh hoạt xã Chiềng Ngần năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 06 tháng 02 năm 2015. Đồng thời thông qua chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty xuống còn 51%.

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 05 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 60.596.300.000 VND.

#### 12c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.059.630	580.963
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.059.630	580.963
- Cổ phiếu phổ thông	6.059.630	580.963
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.059.630	580.963
- Cổ phiếu phổ thông	6.059.630	580.963
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	100.000 VND

#### 12d. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính 2009, 2010 và 2011, chi tiết như sau:

	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ	Kết chuyển CLTG vào kết quả kinh doanh trong năm				Số còn phải kết chuyển
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
Năm 2009	3.792.624.408	1.187.940.000	1.215.237.000	1.389.447.408		
Năm 2010	3.571.746.479	951.590.750	873.385.243	873.385.243	873.385.243	
Năm 2011	5.944.160.583		1.486.040.146	1.486.040.147	1.486.040.143	
<b>Cộng</b>	<b><u>13.308.531.470</u></b>	<b><u>2.139.530.750</u></b>	<b><u>3.574.662.389</u></b>	<b><u>3.748.872.798</u></b>	<b><u>3.748.872.798</u></b>	<b><u>1.486.040.143</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Là các khoản nợ khó đòi đã xử lý. Chi tiết như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Nguyên nhân xóa sổ</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La - Tiền giá trị xây lắp Trạm bơm tăng áp số 2 - Hệ thống cấp nước cho nhà máy đường Sơn La	111.668.900		Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty phát triển Đô thị Sơn La - Thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước D70 qua đường Chu Văn Thịnh	84.208.736		Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trường chính trị tỉnh Sơn La- Thi công tuyến cấp ống gang D100	25.031.277		Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trại tâm thần tỉnh Sơn La - Thi công công trình	11.655.833		Phát sinh lâu, hồ sơ thất lạc
Hệ thống cấp nước tổ 18, Chiềng Lè - Khoản ứng tiền thi công công trình	40.730.000		Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Hệ thống cấp nước Cò Nòi, Mai Sơn - Khoản ứng tiền thi công công trình	101.667.568		Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>374.962.314</b>		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng hóa	106.087.000	281.110.000
Doanh thu kinh doanh nước thương phẩm	98.326.179.165	81.377.598.105
Doanh thu kinh doanh nước đóng chai	1.812.596.896	1.741.138.178
Doanh thu lắp đặt nhỏ	2.904.201.552	3.548.080.638
Doanh thu cung cấp dịch vụ	719.431.572	511.080.707
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.799.953.181	878.303.954
<b>Cộng</b>	<b>107.668.449.366</b>	<b>88.337.311.582</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.7, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	106.087.000	281.110.000
Giá vốn kinh doanh nước thương phẩm	79.005.599.275	66.097.536.588
Giá vốn kinh doanh nước đóng chai	2.036.777.913	1.992.088.546
Giá vốn lắp đặt nhỏ	2.875.604.994	2.874.038.400
Giá vốn cung cấp dịch vụ	587.090.211	423.913.021
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.546.476.196	611.599.221
<b>Cộng</b>	<b><u>88.157.635.589</u></b>	<b><u>72.280.285.776</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.183.304.694	1.249.560.916
Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ các năm trước	2.359.425.388	3.748.872.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.852.749	55.118.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.183.215.225	440.949.775
<b>Cộng</b>	<b><u>4.784.798.056</u></b>	<b><u>5.494.502.215</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.095.988.791	4.882.113.826
Chi phí vật liệu quản lý	88.445.930	135.298.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.122.856	441.430.525
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.055.814	142.817.389
Thuế, phí và lệ phí	35.754.396	1.591.686.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.274.902	1.126.718.184
Chi phí bằng tiền khác	2.217.813.942	1.941.198.718
<b>Cộng</b>	<b><u>8.140.456.631</u></b>	<b><u>10.261.263.619</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán phế liệu	47.981.818	81.818.182
Chênh lệch giá trị đánh giá lại của tài sản đem góp vốn	976.911.818	
Thu tiền khoán doanh thu xe tải	16.000.000	24.000.000
Phí nước thải sinh hoạt được để lại đơn vị	467.362.863	386.833.250
Các khoản công nợ thực tế không phải trả		316.010.874
Thu nhập khác	19.500.484	2.734.080
<b>Cộng</b>	<b><u>1.527.756.983</u></b>	<b><u>811.396.386</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	32.159.447	
Khấu hao xe ô tô tài khoản cho đội	3.368.561	20.211.594
<b>Cộng</b>	<b>35.528.008</b>	<b>20.211.594</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.484.762.760	1.129.420.828
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(374.238.138)	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.110.524.622	1.129.420.828
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.059.630	6.059.630
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.173</b>	<b>186</b>

##### 8b. Thông tin khác

Ngày 25 tháng 4 năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, do mệnh giá cổ phần cũng giảm từ 100.000 VND xuống còn 10.000 VND. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.944 VND xuống còn 186 VND.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.647.759.335	26.177.014.298
Chi phí nhân công	39.430.516.311	39.034.864.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.157.249.438	11.757.135.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.274.902	1.126.718.184
Chi phí khác	8.889.783.950	7.403.964.534
<b>Cộng</b>	<b>93.543.583.936</b>	<b>85.499.697.569</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng Tài sản cố định vào Công ty liên kết	7.944.300.000	
Tăng vốn điều lệ bằng Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	2.500.000.000	

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.121.476.400 VND (năm trước là 920.236.600 VND).

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần VBIC Sơn La là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.7, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Số liệu so sánh

##### 6a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

##### 6b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	115.379.487	1.635.470.000	1.750.849.487	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.635.470.000	(1.635.470.000)		(i)
Quỹ Đầu tư phát triển	418	1.103.072.262	452.161.469	1.555.233.731	(ii)
Quỹ Dự phòng tài chính		452.161.469	(452.161.469)		(ii)

(i) Do phân loại lại khoản đặt cọc và tạm ứng từ chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”

(ii) Do phân loại lại số dư “Quỹ Dự phòng tài chính” sang “Quỹ Đầu tư phát triển”

#### 7. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 7a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.146.496.355				11.146.496.355
Phải thu khách hàng	6.510.656.957			161.156.400	6.671.813.357
Các khoản phải thu khác					
<b>Cộng</b>	<b>17.657.153.312</b>			<b>161.156.400</b>	<b>17.818.309.712</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.017.998.974				1.017.998.974
Phải thu khách hàng	5.329.499.671			382.065.313	5.711.564.984
Các khoản phải thu khác	115.379.487				115.379.487
<b>Cộng</b>	<b>6.462.878.132</b>			<b>382.065.313</b>	<b>6.844.943.445</b>

#### 7b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	6.307.301.357	45.431.185.148	5.745.468.300	57.483.954.805
Phải trả người bán	157.418.733			157.418.733
Các khoản phải trả khác	473.839.450			473.839.450
<b>Cộng</b>	<b>6.938.559.540</b>	<b>45.431.185.148</b>	<b>5.745.468.300</b>	<b>58.115.212.988</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	6.138.140.170	45.147.861.792	11.152.877.789	62.438.879.750
Phải trả người bán	394.262.733			394.262.733
Các khoản phải trả khác	335.569.534			335.569.534
<b>Cộng</b>	<b>6.867.972.437</b>	<b>45.147.861.792</b>	<b>11.152.877.789</b>	<b>63.168.712.017</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 7c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Công ty chỉ có khoản vay bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.837.290,72 USD (số đầu năm là 2.099.760,84 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 744.038.436 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.380.000.000 VND (số đầu năm là 1.860.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

##### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

15  
H  
G  
M  
V  
C  
N  
P



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 8. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.146.496.355		1.017.998.974		11.146.496.355	1.017.998.974
Phải thu khách hàng	6.671.813.357	(161.156.400)	5.711.564.984	(382.065.313)	6.510.656.957	5.329.499.671
Các khoản phải thu khác			115.379.487			120.379.487
<b>Cộng</b>	<b>17.818.309.712</b>	<b>(161.156.400)</b>	<b>6.844.943.445</b>	<b>(382.065.313)</b>	<b>17.657.153.312</b>	<b>6.467.878.132</b>

##### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	57.483.954.805	62.438.879.750	57.483.954.805
Phải trả người bán	157.418.733	394.262.733	157.418.733	394.262.733
Các khoản phải trả khác	473.839.450	335.569.534	473.839.450	335.569.534
<b>Cộng</b>	<b>58.115.212.988</b>	<b>63.168.712.017</b>	<b>58.115.212.988</b>	<b>63.168.712.017</b>

##### Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

#### 9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Trần Xuân Long

Kế toán trưởng

Kim Ngọc Nhiệm

Tổng Giám đốc

Bùi Văn Đính